

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
AN THỊNH ĐẦU TƯ



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- Nhận **1.000.000.000 đồng** cộng Giá trị quỹ hợp đồng khi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- Nhận thêm **200.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn.
- **Lên đến 30.000.000 đồng** Chu toàn hậu sự khi tử vong.

ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ



- **Hưởng kết quả đầu tư thực tế** của các Quỹ liên kết đơn vị với tỷ suất tiềm năng trong dài hạn.
- Cơ hội đầu tư vào các **cổ phiếu chất lượng hàng đầu**.
- **Quản lý Quỹ bởi chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm**.
- **Chủ động đầu tư** với quyền Chuyển đổi Quỹ và Linh hoạt đóng phí.

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng kế hoạch bảo hiểm



Thông tin của Quỹ liên kết đơn vị



Ứng dụng **Dai-ichi Connect** hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

Fax: (028) 3997 3000

Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Trần Ngọc B	Nữ	30	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	Nguyễn Văn A	Nam	30	1

THÔNG TIN CHUNG

Sản phẩm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (l) (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính				
NDBH.1 - Nguyễn Văn A				
Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư	69	40	1.000.000.000	15.000.000
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ				
NDBH.1 - Nguyễn Văn A				
BH Hỗ Trợ Viện Phí (3)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	100.000	225.000
BH Tai Nạn Cao Cấp	45	40	300.000.000	960.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng

Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	16.185.000	8.092.500	4.046.300

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

● Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Thịnh Đầu Tư	15.000.000	7.500.000	3.750.000
● Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	1.185.000	592.500	296.300
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	13.815.000		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (2)	30.000.000		

Ghi chú:

- (1) Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể linh hoạt đóng phí từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Giá trị quỹ hợp đồng vẫn còn đủ để thanh toán các Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có).
- (2) Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang “Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm”.
- (3) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang “Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ thay đổi hàng năm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Ho và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHIU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**



PHÍ BẢO HIỂM (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ THAY ĐỔI HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lần gia hạn Hợp đồng	Tham gia đầu tiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
BH Hỗ Trợ Viện Phí	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	290	290	290	290

Lần gia hạn Hợp đồng	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
BH Hỗ Trợ Viện Phí	290	350	350	350	350	350	420	420	420	420	420	500	500	500	500

Lần gia hạn Hợp đồng	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44
BH Hỗ Trợ Viện Phí	500	700	700	700	700	700	900	900	900	900	900	1.100	1.100	1.100	1.100

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN THỊNH ĐẦU TƯ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

QUYỀN LỢI BẢO VỆ	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QL BH	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong.	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng Giá trị quỹ hợp đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65.	Thêm 200.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65.	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng Giá trị quỹ hợp đồng.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH Tử vong. Điều kiện: - Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và - Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng/NĐBH.
Quyền lợi Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng	Trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên, với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ, đúng hạn nhưng Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để chi trả các khoản Khoản khấu trừ hàng tháng (Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng).	Đảm bảo không mất hiệu lực Hợp đồng trong 2 năm Hợp đồng đầu tiên.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ						
Quyền lợi hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ liên kết đơn vị	Giá trị quỹ hợp đồng được hưởng kết quả đầu tư thực tế của (các) Quỹ liên kết đơn vị được công bố tại các Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần, cụ thể là ngày Thứ Tư.					
	Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ Khách hàng lựa chọn					
	Tỷ lệ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị như sau:					
	Phí bảo hiểm/Tên Quỹ	Dẫn đầu	Tài chính năng động	Tăng trưởng	Phát triển	Bảo toàn
	Phí bảo hiểm cơ bản	20%	20%	20%	20%	20%
	Phí bảo hiểm đóng thêm	20%	20%	20%	20%	20%
QUYỀN LỢI KHÁC	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QL BH			QUYỀN LỢI		
Quyền lợi Thưởng Duy trì hợp đồng	Vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 3 và đều đặn vào mỗi 3 năm sau đó đến Năm hợp đồng thứ 21. Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong 3 năm liên kế trước thời điểm xét thưởng.			Nhận 3,0% Giá trị quỹ hợp đồng tại thời điểm xem xét tương ứng.		
Quyền lợi đáo hạn	Nhận toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có).					

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN THỊNH ĐẦU TƯ	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Điều 21 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

CÁC KHOẢN PHÍ VÀ CHI PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

- Chi phí hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn**
(hay “Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn”)
Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	Từ năm thứ 1 đến 5	6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ phí	100%	80%	60%	40%	20%	0%

*Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm = Tỷ lệ phí * Trung bình của phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó.*
- Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng**
(hay “Phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng”)
Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng. Tỷ lệ tính Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị quỹ hợp đồng.
- Chi phí chuyển đổi quỹ**
(hay “Phí chuyển đổi quỹ”)
Trong mỗi Năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Chi phí chuyển đổi quỹ cho 4 lần chuyển đổi, kể từ lần chuyển đổi quỹ thứ 5 trở đi, Chi phí chuyển đổi Quỹ là 50.000 đồng/lần.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Thông tin về các Quỹ liên kết đơn vị

Các Quỹ liên kết đơn vị và mục tiêu đầu tư	Lĩnh vực đầu tư	Tỷ trọng đầu tư		Mức độ tăng trưởng và rủi ro
		Mức tối thiểu	Mức tối đa	
Quỹ Dẫn đầu: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tài chính năng động: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tăng trưởng: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Phát triển: mang lại các cơ hội đầu tư với sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	15%	55%	Từ cao đến vừa phải
	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	45%	85%	
Quỹ Bảo toàn: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn cho các nhà đầu tư.	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	100%		Vừa phải

2. Các Quỹ của bảo hiểm liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư được quản lý bởi các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN). Việc quản lý tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị được giám sát độc lập bởi Ngân hàng HSBC Việt Nam theo quy định.
3. Tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị sẽ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

4. Giá trị quỹ hợp đồng được tính theo Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm. Giá trị các Đơn vị quỹ phụ thuộc vào sự thay đổi Giá đơn vị quỹ và các chi phí.
5. Giá đơn vị quỹ của mỗi Quỹ đầu tư được xác định bằng cách lấy giá trị tài sản thuần của Quỹ liên kết đơn vị chia cho số Đơn vị quỹ của Quỹ đó và có thể tăng hoặc giảm.
Kỳ định giá tối thiểu là một lần mỗi tuần, cụ thể là ngày Thứ Tư hàng tuần (*). Trường hợp Thứ Tư là ngày lễ, Ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo. Giá đơn vị quỹ sẽ được công bố trên website www.dai-ichi-life.com.vn hoặc Khách hàng vui lòng tham khảo tại tất cả các Trung tâm phục vụ khách hàng của Dai-ichi Life Việt Nam trên toàn quốc.
(*) *Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo đến Khách hàng nếu có thay đổi Ngày định giá.*
6. Những thay đổi về Giá đơn vị quỹ phản ánh tình hình đầu tư của Quỹ tương ứng. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả (lỗ/ lời) và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**. Khách hàng lựa chọn Quỹ liên kết đơn vị để đầu tư tùy theo nhu cầu và khả năng chấp nhận rủi ro của mình.
7. Dai-ichi Life Việt Nam được phép sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi bảo hiểm của Khách hàng:
 - a. Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết mới có cùng mục tiêu đầu tư;
 - b. Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
 - c. Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có;
 - d. Ngừng định giá Quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở/trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
 - e. Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
8. Đối với các biện pháp (a), (b), (c), (e) tại Mục 7: Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản 3 ngày trước khi áp dụng.
9. Số dư Đơn vị quỹ của Quỹ sẽ tăng/giảm Đơn vị quỹ từ các nghiệp vụ mua mới hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:
 - a. Các trường hợp liên quan đến việc mua mới các Đơn vị quỹ: Nộp Phí bảo hiểm; Nhận khoản Thưởng duy trì hợp đồng; Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác.
 - b. Các trường hợp liên quan đến việc bán các Đơn vị quỹ: Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác; Trả Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng, các loại phí khác có liên quan đến Quỹ và các Khoản nợ; Thanh toán quyền lợi bảo hiểm; Rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng.
10. Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển một phần hoặc toàn bộ giá trị các Đơn vị quỹ từ Quỹ liên kết đơn vị này sang (các) Quỹ liên kết đơn vị khác theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; nếu đáp ứng các điều kiện được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỖI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

11. Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ liên kết đơn vị

Năm	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn
2019	Thành lập tháng 04/2022		7,53%	11,95%	6,29%
2020			19,60%	15,19%	6,16%
2021			31,02%	13,88%	4,70%
2022	-27,17% (*)	-26,13% (*)	-24,62%	-11,32%	4,74%
2023	11,94%	27,22%	11,77%	10,20%	6,91%
Tỷ suất đầu tư quy năm trong 5 năm (2019-2023)	-11,45%(**)	-3,63%(**)	7,26%	7,49%	5,75%
Tỷ suất đầu tư tích lũy trong 5 năm (2019-2023)	-18,47%(**)	-6,02%(**)	41,97%	43,52%	32,29%

(*) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022

(**) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2023

Ghi chú: Việc liệt kê các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho Bên mua bảo hiểm được thể hiện tại Phần tóm tắt các loại chi phí và theo quy định pháp luật.

Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LÒI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Tỷ suất đầu tư dự kiến	Quỹ Dẫn đầu		Quỹ Tài chính năng động		Quỹ Tăng trưởng		Quỹ Phát triển		Quỹ Bảo toàn	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao
	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	4,0%	7,2%	3,5%	6,5%

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1	16.185	13.815	30.000	12.139	691	12.830	4.046	13.124	17.171	540	2.803	2.803
2	16.185	13.815	30.000	8.902	691	9.593	7.283	13.124	20.408	540	2.854	2.854
3	16.185	13.815	30.000	4.856	691	5.546	11.330	13.124	24.454	540	2.923	2.923
4	16.185	13.815	30.000	3.237	691	3.928	12.948	13.124	26.072	540	3.004	3.004
5	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.103	3.103
6	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.223	3.223
7	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.373	3.373
8	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.544	3.544
9	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.733	3.733
10	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	3.954	3.954
11	16.185	13.815	30.000	486	691	1.176	15.699	13.124	28.824	540	4.204	4.204

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

12	16.250	13.750	30.000	488	688	1.175	15.763	13.063	28.825	540	4.528	4.528
13	16.250	13.750	30.000	488	688	1.175	15.763	13.063	28.825	540	4.818	4.818
14	16.250	13.750	30.000	488	688	1.175	15.763	13.063	28.825	540	5.137	5.137
15	16.250	13.750	30.000	488	688	1.175	15.763	13.063	28.825	540	5.478	5.478
16	16.250	13.750	30.000	488	688	1.175	15.763	13.063	28.825	540	5.838	5.838
17	16.310	13.690	30.000	489	685	1.174	15.821	13.006	28.826	540	6.278	6.278
18	16.310	13.690	30.000	489	685	1.174	15.821	13.006	28.826	540	6.688	6.688
19	16.310	13.690	30.000	489	685	1.174	15.821	13.006	28.826	540	7.128	7.128
20	16.310	13.690	30.000	489	685	1.174	15.821	13.006	28.826	540	7.618	7.618

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ



II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm từ vong/T TTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)											Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)							
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn			
1 30	30.000	17.171	1.015.07 9	3.040	3.040	3.040	2.990	2.970						15.079		
2 31	30.000	20.408	1.034.83 5	7.046	7.046	7.046	6.881	6.817						34.835		
3 32	30.000	24.454	1.062.32 1	12.277	12.277	12.277	11.908	11.766	368	368	368	357	353	62.321		
4 33	30.000	26.072	1.091.90 2	18.714	18.714	18.714	18.013	17.746						91.902		
5 34	30.000	28.824	1.126.77 3	25.905	25.905	25.905	24.748	24.310						126.773		
6 35	30.000	28.824	1.169.30 3	33.715	33.715	33.715	31.946	31.282	1.011	1.011	1.011	958	939	169.303		
7 36	30.000	28.824	1.210.22 8	43.294	43.294	43.294	40.663	39.683						210.228		
8 37	30.000	28.824	1.254.33 2	52.593	52.593	52.593	48.950	47.604						254.332		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

9 38	30.000	28.824	1.310.916	62.683	62.683	62.683	57.800	56.010	1.881	1.881	1.881	1.734	1.680	310.916	
10 39	30.000	28.824	1.362.862	75.679	75.679	75.679	69.107	66.718						362.862	
11 40	30.000	28.824	1.418.826	87.737	87.737	87.737	79.325	76.291						418.826	
12 41	30.000	28.825	1.493.438	100.803	100.803	100.803	90.220	86.436	3.024	3.024	3.024	2.707	2.593	493.438	
13 42	30.000	28.825	1.559.527	118.273	118.273	118.273	104.750	99.956						559.527	
14 43	30.000	28.825	1.630.744	133.943	133.943	133.943	117.369	111.545						630.744	
15 44	30.000	28.825	1.728.724	150.942	150.942	150.942	130.838	123.835	4.528	4.528	4.528	3.925	3.715	728.724	
16 45	30.000	28.825	1.813.208	174.319	174.319	174.319	149.423	140.828						813.208	
17 46	30.000	28.826	1.904.238	194.758	194.758	194.758	165.062	154.902						904.238	
18 47	30.000	28.826	2.032.475	216.938	216.938	216.938	181.758	169.832	6.508	6.508	6.508	5.453	5.095	1.032.475	
19 48	30.000	28.826	2.140.821	248.099	248.099	248.099	205.429	191.096						1.140.821	
20 49	30.000	28.826	2.257.674	274.850	274.850	274.850	224.878	208.247						1.257.674	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

2.2 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HB Tuổi của NB BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm từ vong/TT TBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1 30	30.000	17.171	1.014.104	2.785	2.785	2.785	2.882	2.868						14.104	
2 31	30.000	20.408	1.031.709	6.228	6.228	6.228	6.536	6.491						31.709	
3 32	30.000	24.454	1.055.299	10.491	10.491	10.491	11.157	11.060	315	315	315	335	332	55.299	
4 33	30.000	26.072	1.079.282	15.405	15.405	15.405	16.624	16.445						79.282	
5 34	30.000	28.824	1.106.417	20.564	20.564	20.564	22.506	22.219						106.417	
6 35	30.000	28.824	1.137.963	25.730	25.730	25.730	28.590	28.164	772	772	772	858	845	137.963	
7 36	30.000	28.824	1.165.945	31.674	31.674	31.674	35.769	35.153						165.945	
8 37	30.000	28.824	1.194.298	36.844	36.844	36.844	42.297	41.470						194.298	
9 38	30.000	28.824	1.229.711	42.008	42.008	42.008	49.035	47.959	1.260	1.260	1.260	1.471	1.439	229.711	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

10 39	30.000	28.824	1.258.911	48.429	48.429	48.429	57.514	56.110						258.911	
11 40	30.000	28.824	1.288.452	53.575	53.575	53.575	64.734	62.994						288.452	
12 41	30.000	28.825	1.327.821	58.692	58.692	58.692	72.158	70.038	1.761	1.761	1.761	2.165	2.101	327.821	
13 42	30.000	28.825	1.358.155	65.558	65.558	65.558	82.050	79.430						358.155	
14 43	30.000	28.825	1.388.806	70.637	70.637	70.637	90.000	86.895						388.806	
15 44	30.000	28.825	1.432.362	75.688	75.688	75.688	98.173	94.533	2.271	2.271	2.271	2.945	2.836	432.362	
16 45	30.000	28.825	1.463.881	82.989	82.989	82.989	109.635	105.281						463.881	
17 46	30.000	28.826	1.495.650	87.974	87.974	87.974	118.370	113.357						495.650	
18 47	30.000	28.826	1.543.541	92.922	92.922	92.922	127.338	121.607	2.788	2.788	2.788	3.820	3.648	543.541	
19 48	30.000	28.826	1.576.200	100.628	100.628	100.628	140.510	133.806						576.200	
20 49	30.000	28.826	1.609.111	105.497	105.497	105.497	150.094	142.527						609.111	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**



MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Tỷ suất đầu tư dự kiến	Quỹ Dẫn đầu		Quỹ Tài chính năng động		Quỹ Tăng trưởng		Quỹ Phát triển		Quỹ Bảo toàn	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao
	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	4,0%	7,2%	3,5%	6,5%

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1	16.185	13.815	30.000	12.139	691	12.830	4.046	13.124	17.171	540	2.803	2.803
2	16.185	13.815	30.000	8.902	691	9.593	7.283	13.124	20.408	540	2.854	2.854
3	16.185	13.815	30.000	4.856	691	5.546	11.330	13.124	24.454	540	2.923	2.923
4	16.185	13.815	30.000	3.237	691	3.928	12.948	13.124	26.072	540	3.004	3.004
5										540	3.103	3.103
6										540	3.223	3.223
7										540	3.373	3.373
8										540	3.544	3.544
9										540	3.733	3.733
10										540	3.954	3.954
11										540	4.204	4.204

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

12										540	4.528	4.528
13										540	4.818	4.818
14										540	5.137	5.137
15										540	5.478	5.478
16										540	5.838	5.838
17										540	6.278	6.278
18										540	6.688	6.688
19										540	7.128	7.128
20										540	7.618	7.618

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**



II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm từ vong/T TTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1 30	30.000	17.171	1.015.07 9	3.040	3.040	3.040	2.990	2.970						15.079	
2 31	30.000	20.408	1.034.83 5	7.046	7.046	7.046	6.881	6.817						34.835	
3 32	30.000	24.454	1.062.32 1	12.277	12.277	12.277	11.908	11.766	368	368	368	357	353	62.321	
4 33	30.000	26.072	1.091.90 2	18.714	18.714	18.714	18.013	17.746						91.902	
5 34			1.095.60 3	19.618	19.618	19.618	18.571	18.177						95.603	
6 35			1.099.49 1	20.572	20.572	20.572	19.152	18.623						99.491	
7 36			1.103.54 9	21.572	21.572	21.572	19.752	19.081						103.549	
8 37			1.107.77 5	22.619	22.619	22.619	20.369	19.549						107.775	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

9 38			1.112.15 9	23.712	23.712	23.712	21.001	20.023						112.159	
10 39			1.116.68 2	24.847	24.847	24.847	21.643	20.500						116.682	
11 40			1.121.32 8	26.020	26.020	26.020	22.291	20.976						121.328	
12 41			1.126.03 2	27.220	27.220	27.220	22.933	21.440						126.032	
13 42			1.130.83 1	28.453	28.453	28.453	23.576	21.897						130.831	
14 43			1.135.70 7	29.715	29.715	29.715	24.216	22.345						135.707	
15 44			1.140.64 2	31.005	31.005	31.005	24.849	22.779						140.642	
16 45			1.145.62 1	32.317	32.317	32.317	25.473	23.199						145.621	
17 46			1.150.56 8	33.635	33.635	33.635	26.074	23.591						150.568	
18 47			1.155.51 2	34.965	34.965	34.965	26.657	23.961						155.512	
19 48			1.160.42 0	36.299	36.299	36.299	27.217	24.305						160.420	
20 49			1.165.24 0	37.626	37.626	37.626	27.747	24.616						165.240	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

2.2 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm từ vong/T TTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1 30	30.000	17.171	1.014.10 4	2.785	2.785	2.785	2.882	2.868						14.104	
2 31	30.000	20.408	1.031.70 9	6.228	6.228	6.228	6.536	6.491						31.709	
3 32	30.000	24.454	1.055.29 9	10.491	10.491	10.491	11.157	11.060	315	315	315	335	332	55.299	
4 33	30.000	26.072	1.079.28 2	15.405	15.405	15.405	16.624	16.445						79.282	
5 34			1.077.07 4	14.776	14.776	14.776	16.501	16.245						77.074	
6 35			1.074.72 3	14.131	14.131	14.131	16.330	16.000						74.723	
7 36			1.072.19 4	13.464	13.464	13.464	16.101	15.700						72.194	
8 37			1.069.46 3	12.773	12.773	12.773	15.806	15.338						69.463	
9 38			1.066.50 6	12.054	12.054	12.054	15.436	14.907						66.506	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

10 39			1.063.28 4	11.303	11.303	11.303	14.979	14.396						63.284	
11 40			1.059.76 2	10.516	10.516	10.516	14.421	13.793						59.762	
12 41			1.055.85 5	9.681	9.681	9.681	13.737	13.076						55.855	
13 42			1.051.59 0	8.804	8.804	8.804	12.929	12.248						51.590	
14 43			1.046.92 7	7.884	7.884	7.884	11.980	11.295						46.927	
15 44			1.041.83 3	6.917	6.917	6.917	10.877	10.205						41.833	
16 45			1.036.27 7	5.902	5.902	5.902	9.604	8.968						36.277	
17 46			1.030.16 5	4.827	4.827	4.827	8.129	7.554						30.165	
18 47			1.023.51 3	3.700	3.700	3.700	6.449	5.964						23.513	
19 48			1.016.27 5	2.518	2.518	2.518	4.541	4.180						16.275	
20 49			1.008.38 5	1.275	1.275	1.275	2.380	2.180						8.385	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**



MINH HẠ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20

MINH HẠ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI: Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Quyền lợi này là không đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.	Năm hợp đồng	Trường hợp đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến		Trường hợp đóng Phí bảo hiểm trong thời gian bắt buộc	
		Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
	1	-	-	-	-
	2	18.650.100 đồng	15.524.500 đồng	18.650.100 đồng	15.524.500 đồng
	3	44.320.800 đồng	37.503.300 đồng	44.320.800 đồng	37.503.300 đồng
	4	75.717.300 đồng	63.097.300 đồng	75.717.300 đồng	63.097.300 đồng
	5	110.588.300 đồng	90.231.700 đồng	79.418.000 đồng	60.888.700 đồng
	6	151.423.800 đồng	120.997.000 đồng	86.542.600 đồng	61.774.600 đồng
	7	200.516.700 đồng	156.233.600 đồng	93.838.400 đồng	62.482.900 đồng
	8	247.857.800 đồng	187.824.300 đồng	101.300.500 đồng	62.989.100 đồng
	9	298.622.700 đồng	219.782.900 đồng	108.921.700 đồng	63.269.200 đồng
	Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với Giá trị quỹ hợp đồng.				
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20	Tổng số phí đóng dự kiến	600.000.000 đồng		120.000.000 đồng	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0 đồng		0 đồng	
	Số tiền nhận cuối năm hợp đồng thứ 20	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
		1.257.674.300 đồng	609.111.100 đồng	165.239.800 đồng	8.384.800 đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ghi chú:

- Theo Phụ lục triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư (ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, “Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm” chỉ minh họa quyền lợi trong 20 năm, nhưng nếu Khách hàng vẫn tiếp tục duy trì Hợp đồng bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm của Khách hàng vẫn tiếp tục có hiệu lực thì các Quỹ sẽ vẫn tiếp tục được đầu tư và có thể sinh lời sau đó.
- Số tiền thể hiện ở cột “Tổng Phí bảo hiểm” đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, phí bảo hiểm đóng thêm và phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
- Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút ra” là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị quỹ hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị quỹ hợp đồng.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong Tài liệu minh họa bán hàng này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro (hay “Phí rủi ro”) của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ và Chi phí quản lý hợp đồng (hay “Phí quản lý hợp đồng”).
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị quỹ hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Giá trị quỹ hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, giá đơn vị quỹ, ... Để biết thông tin Giá trị quỹ hợp đồng và tình trạng Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect. Giá trị quỹ hợp đồng có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên Giá trị quỹ hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến các Quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức tỷ suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá mua Đơn vị quỹ vào Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Bên mua bảo hiểm có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo Hợp đồng bảo hiểm của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các giá trị trong Tài liệu minh họa này là không cam kết và chỉ nhằm mục đích minh họa.
- Các loại Chi phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Chi phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bổ sung/bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và việc tham gia này có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị quỹ hợp đồng.
- Việc Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào. Chi tiết vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm chính.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi ký tên dưới đây xác nhận:
- 1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.
 - 2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng nêu trên.
 - 3- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi Giá trị quỹ hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá của các Đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của (các) Quỹ liên kết đơn vị không được đảm bảo. Giá trị quỹ hợp đồng tùy thuộc vào Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực một trong hai trường hợp sau: (i) Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng đầu tiên hoặc (ii) khi Giá trị quỹ hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) từ năm hợp đồng thứ 3 trở đi.
 - 4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - 5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Trần Ngọc B

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

CÂU HỎI	ĐIỂM
Câu 1: Quý khách đang ở độ tuổi nào?	
a. 50 tuổi trở lên	☐ 1 điểm
b. Từ 40 đến dưới 50 tuổi	☐ 2 điểm
c. Từ 30 đến dưới 40 tuổi	☐ 3 điểm
d. Dưới 30 tuổi	☒ 4 điểm
Câu 2: Vui lòng cho biết trình độ học vấn của Quý khách	
a. Dưới Trung Học Cơ Sở	☐ 1 điểm
b. Trung Học Cơ Sở/Trung Học Phổ Thông	☐ 2 điểm
c. Cao Đẳng/Đại Học/Sau Đại Học	☒ 3 điểm
Câu 3: Nhận xét về kiến thức và kinh nghiệm về đầu tư, Quý khách tự đánh giá về mình như thế nào?	
a. Không có/ Chưa có bất kỳ kinh nghiệm/ kiến thức đầu tư	☐ 1 điểm
b. Rất ít kinh nghiệm/ kiến thức đầu tư	☐ 2 điểm
c. Có ít kinh nghiệm/ kiến thức đầu tư nhưng cần hỗ trợ thêm	☐ 3 điểm
d. Là nhà đầu tư có kinh nghiệm/ kiến thức và hoạt động hiệu quả	☒ 4 điểm

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Câu 4: Mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của Quý khách như thế nào?	
a. Không muốn nhận bất kỳ rủi ro nào	☐ 1 điểm
b. Chấp nhận một ít rủi ro để có khả năng sinh lợi	☐ 2 điểm
c. Chấp nhận rủi ro cao hơn để có khả năng sinh lợi cao hơn	☐ 3 điểm
d. Chấp nhận mọi rủi ro của thị trường để đạt khả năng sinh lợi cao nhất	☒ 4 điểm
Câu 5: Quý khách dự định đầu tư cho nguồn vốn hiện có trong bao lâu?	
a. Dưới 5 năm	☐ 1 điểm
b. Từ 5 năm đến 10 năm	☐ 2 điểm
c. Trên 10 năm	☒ 3 điểm
Câu 6: Đối với các khoản đầu tư trong vòng 1 năm của Quý khách, mức biến động lên xuống của tỷ suất đầu tư nào dưới đây Quý khách có thể chấp nhận được?	
a. Khoảng 5%	☐ 1 điểm
b. Khoảng 15%	☐ 2 điểm
c. Khoảng 25%	☐ 3 điểm
d. Trên 25%	☒ 4 điểm
TỔNG ĐIỂM	22 điểm

MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO

Cá nhân	Mức độ chấp nhận rủi ro	Các Quỹ nên tập trung
Dưới 9 điểm	☐ Thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn; hoặc Kết hợp Quỹ Bảo toàn và Quỹ Phát triển
9 - 11 điểm	☐ Tương đối thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn và Quỹ Phát triển
12 - 14 điểm	☐ Cân bằng về đầu tư	Quỹ Phát triển
15 - 18 điểm	☐ Tương đối mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Phát triển và Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động
19 - 22 điểm	☒ Mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động

Lưu ý: Các khách hàng có mức độ chấp nhận rủi ro ở mức “thận trọng” hoặc trên 60 tuổi hoặc không có/chưa có bất kỳ kinh nghiệm/kiến thức đầu tư nào nên cân nhắc không tham gia Quỹ Tăng trưởng, Quỹ Dẫn đầu, Quỹ Tài chính năng động.

Các Quỹ được Bên mua bảo hiểm quyết định lựa chọn:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn
%	20%	20%	20%	20%	20%

Tôi/Chúng tôi hiểu rõ rằng bảng câu hỏi này là công cụ hỗ trợ giúp Tôi/Chúng tôi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của mình thông qua các câu hỏi và trả lời trắc nghiệm. Tôi/Chúng tôi đã được tư vấn, giải thích rõ ràng và hiểu được mức độ phù hợp của sản phẩm với nhu cầu tài chính của bản thân cũng như các rủi ro có thể xảy ra khi tham gia sản phẩm và quyết định chọn các quỹ này. Quyết định cuối cùng về việc chọn Quỹ nào để đầu tư hoàn toàn là quyết định riêng của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi cam kết chấp nhận mọi rủi ro đầu tư từ (các) Quỹ mà mình đã chọn nêu trên.

Ngày ký: ____/____/____ Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____ Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Trần Ngọc B Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent
Mã số đại lý: 158424 Mã số đại lý: 158424

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ